

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 21 tháng 03 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				50,666
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	255	9,435,000
	Được chi trong ngày				9,485,666
	Đã chi trong ngày				9,425,157
	1. Dịch vụ				255,000
1	Gas sáng		0	255	0
2	Gas trưa		1,000	255	255,000
	2. Kho				1,410,000
	Ấn chính				1,410,000
1	Sữa Grow IQ Plus	Kg	235,000	6	1,410,000
	3. Đi chợ				7,760,157
	Ấn chính				7,760,157
1	Gạo tẻ	Kg	27,300	12	327,600
2	Cà chua	Kg	57,750	5	288,750
3	Giá đậu xanh	Kg	16,800	3	50,400
4	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.2	15,750
5	Me chua	Kg	42,000	0.5	21,000
6	Rau ngò	Kg	147,000	0.1	14,700
7	Rau om	Kg	36,750	0.1	3,675
8	Su su	Kg	23,100	2.5	57,750
9	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
10	Nấm rơm	Kg	189,000	3.5	661,500
11	Chuối cau	Kg	47,250	13	614,250
12	Thơm (Dứa)	Kg	54,600	3	163,800
13	Đường kính	Kg	38,850	2	77,700
14	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
15	Ngò gai	Kg	52,500	0.1	5,250
16	Cá lóc phi lê	Kg	259,350	6	1,556,100
17	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	1	66,960
18	Thịt gà phi lê	Kg	110,250	10	1,102,500
19	Nước mắm Hồng Hạnh	Chai	78,840	1	78,840
20	Gừng gọt vỏ	Kg	84,000	0.1	8,400
21	Bánh su kem	Cái	10,300	245	2,523,500
22	Củ hành tím	Kg	68,250	0.2	13,650
23	Sữa tươi	Hộp	7,776	7	54,432
24	Dầu ăn Tường An 400ml	Chai	32,400	1	32,400
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				7,511,500
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				130,867,991
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			3,860	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				142,820,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				142,759,491
	Chênh lệch cuối ngày				60,509

Kế toán

Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng

Nguyễn Thị Diệp Thúy